

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HS-ST
Ngày: 23-3-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận

Ông Lê Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần M Phương - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát ND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXXST - HS ngày 22/02/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân M - S năm 1986. Nơi cư trú: chung cư N, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Cao T và bà Hà Thị L; có 01 con; Tiền án: năm 2008 bị TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tháng 8/2017 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tiền sự: không; Nhân thân: năm 2003 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”, năm 2005 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tạm giữ: ngày 04/8/2021; tạm giam: ngày 07/8/2021 tại nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Lộc, “có mặt”.

Bị hại: Anh Hoàng Văn T - SN 1972 “vắng mặt”

Trú tại: N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Xuân M đi bộ tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 03h ngày 02/8/2021 M đến trước N, phường Đ, thành phố T, M quan sát thấy chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota Hilux màu đen, biển kiểm soát 36A-292.69 của anh Hoàng Văn T đậu trên vỉa hè, không có người trông coi. M đi lại mở cửa xe thì thấy xe không khóa nên M đã vào trong xe lục soát tìm tài sản và lấy đi buộc tiền để ở cốp tay bên phải ghế lái rồi đi bộ ra cây ATM thuộc Ngân hàng T, địa chỉ: P, phường Đ, thành phố T sử dụng dịch vụ gửi tiền trực tiếp vào tài khoản 03616439301 của Ngân hàng T mang tên M thì được biết số tiền vừa trộm cắp được là 73.300.000đ (bảy ba triệu ba trăm nghìn đồng). Cùng trong ngày 02/8/2021, M sử dụng tài khoản này để tiêu số tiền trộm cắp như sau:

- Mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 128GB, màu vàng với giá 30.911.000đ tại cửa hàng T, địa chỉ: T, phường Đ, thành phố T bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản MB Bank số 5110156868888 cho quản lý cửa hàng là anh Thạch Vũ T2.

- Mua 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, có kích thước (3,2 x 2,5)cm, mặt trước in ký tự chữ Hán, phần khuyên đeo hình quả trám với giá 10.690.000đ tại Công ty vàng bạc K bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản Ngân hàng A số 3501205131033 cho ông Trần Xuân S.

- Chuyển số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) đến tài khoản Ngân hàng A số 1482205401219 cho mẹ đẻ là bà Hà Thị L. Khi chuyển tiền M nói với bà L lấy làm chi phí nuôi con cho M.

- Số tiền còn lại M sử dụng để chi tiêu cá nhân và trả nợ cho anh Trần Xuân T3 9.000.000đ (chín triệu đồng), chị Nguyễn Thị Phương H 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng), anh Võ Minh N 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Ngày 04/8/2021 M đến Công an thành phố Thanh Hóa đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại vàng. Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa để xử lý theo quy định.

Đối với anh Thạch Vũ T2, ông Trần Xuân S, bà Hà Thị L, anh Trần Xuân T3 là những người nhận tiền từ M bằng hình thức chuyển khoản nhưng không biết đây là tiền do M trộm cắp mà có nên không phạm tội.

Đối với số tiền 1.300.000đ, M khai là tiền trả nợ cho chị Nguyễn Thị Phương H. Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã ủy thác cho Cơ quan điều tra công an huyện Ứng Hòa tiến hành điều tra, xác M. Tuy nhiên chị H không có mặt tại nơi cư trú, không biết đang ở đâu nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với số tiền 2.000.000đ, M khai trả nợ cho anh Võ Minh N. Cơ quan điều tra Công an huyện Ứng Hòa, cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã ủy thác cho Công an huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xác M, làm việc với anh N. Tuy nhiên chưa có kết quả ủy thác nên chưa có căn cứ để xử lý.

Về phần dân sự: Ngày 22/12/2021 gia đình Nguyễn Xuân M đã khắc phục cho anh Hoàng Văn T số tiền 15.000.000đ. Anh T yêu cầu M tiếp tục khắc phục số tiền 58.300.000đ.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Nguyễn Xuân M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tiền bồi thường và tiền án phí.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng M: Khoảng 03h00 ngày 02/8/2021, tại trước N, phường Đ, thành phố T. Nguyễn Xuân M đã trộm cắp của anh Hoàng Văn T số tiền 73.300.000đ (bảy ba triệu ba trăm nghìn đồng). Do tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 73.300.000đ và bị cáo đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Xuân M có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 BLHS.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần xử lý nghiêm M.

[4] Nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu đã được các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng không chịu cải sửa mà còn tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Với tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo thì việc cách ly khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường được một phần thiệt hại; đầu thú.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp của anh T là 73.300.000đ. Gia đình bị cáo đã bồi thường được cho anh T được 15.000.000đ. Anh T có đơn xin được nhận lại các tài sản theo giá trị mà bị cáo mua gồm: một mặt dây chuyền vàng trị giá 10.690.000đ và 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max trị giá 30.911.000đ. Như vậy, tổng số tiền anh T đã nhận được là 56.601.000đ. Số tiền còn lại 16.699.000đ, anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh. Xét việc yêu cầu bồi thường của anh T là có cơ sở nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền 16.699.000đ cho anh T. Căn cứ tại khoản 1 Điều 48 BLHS và Điều 589 BLDS.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 miếng kim loại màu vàng (dạng mặt dây chuyền) và 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max mặc dù là tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, những tài sản này đều do bị cáo sử dụng số tiền trộm cắp được của anh T để mua nên trả lại cho anh T là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm làm tròn số 835.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Khoản 1, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân M phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Nguyễn Xuân M 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 04/8/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân M phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho anh Hoàng Văn T là 16.699.000đ (mười sáu triệu sáu trăm chín chín nghìn đồng).

Về vật chứng: Trả lại cho anh Hoàng Văn T gồm:

- 01 phong bì niêm phong của Công an thành phố Thanh Hóa, có hình dấu của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố, kèm chữ ký, chữ viết của Lê văn T4, Tăng Văn B, Trần Xuân S. Theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 04/8/2021 của Công an thành phố Thanh Hóa, bên trong phong bì có chứa 01 miếng kim loại màu vàng (dạng mặt dây chuyền) hình chữ nhật, kích thước (3,2 x 2,5).

- Một phong bì niêm phong của Công an thành phố Thanh Hóa, có hình dấu của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố, kèm chữ ký, chữ viết của Lê văn

T4, Tăng Văn B, Nguyễn Xuân M. Theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 04/8/2021 của Công an thành phố Thanh Hóa, bên trong phong bì có chứa 01 điện thoại di động Iphone.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 54/THA ngày 17/01/2022).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm 835.000đ (làm tròn số)

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Thủy